

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2023/DS-ST

Ngày: 05/9/2023.

V/v tranh chấp “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư;
2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

Thư ký phiên Tòa: Ông Phạm Minh Đăng – Thư ký tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang: Bà Nguyễn Ngọc Trinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 8 và ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 500/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc tranh chấp “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1955. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông , sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1953. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Khu phố T, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1952.

3. Chị Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1992.

Bà Nguyễn Thị B, chị Nguyễn Thị Thu D ủy quyền ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1953.

Địa chỉ: Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1994. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

5. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1986. (có đơn xin vắng mặt)

6. Chị Nguyễn Thị Thu K, sinh năm 1987. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà Võ Thị H, sinh năm 1971. (có đơn xin vắng mặt)

8. Chị Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1993. (có đơn xin vắng mặt)

9. Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992. (có đơn xin vắng mặt)

10. Anh Nguyễn Hữu Chí T, sinh năm 1996. (có đơn xin vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Khu phố T, thị trấn B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C là ông Nguyễn Văn B trình bày: Bà Nguyễn Thị Minh C có thửa đất số 118, tờ bản đồ 21, diện tích 5097,8m², tọa lạc Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00707, ngày 24/6/2009, do bà C đại diện hộ đứng tên, hiện thửa đất này ông Nguyễn Văn B đang thuê để canh tác. Giáp ranh với thửa đất 118 của bà C là thửa đất 211, tờ bản đồ 21, diện tích 1245,7m² và thửa 212, tờ bản đồ 21, diện tích 1604,3m² do ông Nguyễn Văn Q đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất. Ông Q tự ý trồng cây và làm hàng rào lấn sang thửa đất số 118 của bà C diện tích khoảng 506,96m², ngang khoảng 4,23m, dài khoảng 119,85m. Khi phát hiện ông Q lấn chiếm đất của gia đình bà C thì bà C nhiều lần yêu cầu ông Q trả lại diện tích đất lấn chiếm, nhưng ông Q không đồng ý nên bà C có yêu cầu Ủy ban nhân dân xã M hòa giải nhưng không thành. Việc ông Q lấn chiếm phần đất của bà C trong thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà C, nên bà C có đơn yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết:

Yêu cầu ông Nguyễn Văn Q cùng các thành viên trong hộ phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh C diện tích đất đã lấn chiếm khoảng 506,96m², chiều ngang khoảng 4,23m, dài khoảng 119,85m, nằm trong thửa đất số 118, tờ bản đồ số 21, diện tích 5097,8m² tọa lạc Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

* Tại bản tự khai ngày ngày 30/10/2022 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Năm 1987 tôi có mua 01 thửa đất của mẹ bà C (bà T), thửa đất này là vùng trũng ngập nước nên chưa canh tác được và một đường dẫn nước cạnh bên có bờ nhỏ không đường đi lại. Lúc đó tôi và bà T có thỏa thuận cho bà T bơm nhờ đường nước để canh tác. Sau khi mua bán xong, bà T đưa tôi một giấy tạm thời quyền sử dụng đất (gồm cả đường ruộng và đường nước). Năm 1988 Nhà nước có yêu cầu làm giấy quyền sử dụng đất, tôi làm đơn xác nhận quyền sử dụng đất và không có tranh chấp có thông qua hộ bà T, được chính quyền địa phương thông qua. Từ đó đến nay tôi vẫn đóng thuế đầy đủ cho đến khi được miễn thuế. Trong thời gian đó tôi có tiến hành cải tạo chõ đất từ chõ khác để làm nền nhà và đường đi như ngày nay và diện tích đường nước từ trước đến nay không thay đổi, chỉ có nạo vét đường nước là do hộ bà C làm có thông qua ý kiến của tôi.

Năm 2009 Nhà nước thông báo làm lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cán bộ địa chính và chính quyền xuống đo xác nhận lại thì không thông qua ý kiến của tôi, khi nhận được quyền sử dụng đất thì tôi không biết diện tích đất bị mất cũng như có đường nước hay không vì tôi không được đi học nên đọc và hiểu giấy tờ đất bị hạn chế. Trước đây hộ bà C trồng lúa thỉnh thoảng có đi nhờ qua đất nhà tôi, sau khi tôi và hộ bà C lên vườn trồng mít thì hộ bà C và người lạ đi thường xuyên hơn, tự ý mở cửa đi vào nhà tôi, gây ảnh hưởng đến gia đình tôi, lúc đó tôi có yêu cầu hộ bà C san lấp đường nước để đi cho thuận tiện nhưng bà không chấp nhận và kiện tôi ra Ủy ban nhân dân xã. Khi có tranh chấp xảy ra thì tôi biết được diện tích con đường nước lại nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà C và có ý định lấn chiếm phần đất mà tôi đã cực khổ cải tạo suốt mấy chục năm nay. Trong thời gian xảy ra tranh chấp thì hộ bà C không còn đi nhờ qua đất nhà tôi mà hộ bà C vẫn sử dụng đường nước bình thường. Vì vậy tôi kính mong Tòa án xem xét lại giấy tờ đất cũ trước đây, quá trình thực tế thửa đất này từ trước đến nay tôi bỏ công sức để cải tạo đường đi và trồng trọt như ngày hôm nay, hiện tại hộ bà C không chỉ lấy con đường nước và còn lấn chiếm cả phần đất của tôi, nên tôi không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C vì đất này là đất của tôi, không phải đất của bà C.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chung hộ bà C gồm: Võ Thị H, Nguyễn Thị Thủy T, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Hữu Chí T có đơn xin vắng mặt đồng thời thống nhất với ý kiến trình bày của bà C.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chung hộ ông Q gồm: Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Thu K thống nhất với ý kiến trình bày của ông Q.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại diện tích đất lấn chiếm là 506,96m², qua đo đạc thực tế là 443,9m², tọa lạc Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ. Bởi theo sở đồ địa chính khu đất ngày 13/3/2023 thì thửa đất 211 và 212 của ông Q không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh có nguồn gốc từ thửa 576, 578 cũ. Hộ bà C và ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đó đến nay thời gian đã lâu mà không ai tranh chấp hay khiếu nại gì đối với diện tích các bên được cấp giấy. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 166, Điều 500, 501, 502 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn phần đất lấn chiếm là 443,9m².

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Q phải trả lại phần đất lấn chiếm, đồng ý hoàn trả 50% giá trị cây trồng theo biên bản định giá đã định; Bị đơn không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C xác định đây là quan hệ tranh chấp “Đòi tài sản là quyền sử dụng đất” theo quy định tại các Điều 158, 164, 166 Bộ luật dân sự; Bị đơn và phần đất tranh chấp có địa chỉ tại Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Hồng, Nguyễn Thị Thủy Tiên, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Hữu Chí Tâm, Nguyễn Thị Thu T có đơn xin giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Q cùng các thành viên trong hộ phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh C diện tích đất đã lấn chiếm khoảng 506,96m² (qua đo đạc thực tế là 443,9m²), chiều ngang khoảng 4,23m, dài khoảng 119,85m, nằm trong thửa đất số 118, tờ bản đồ số 21, diện tích 5097,8m² tọa lạc Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn B là đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Thửa đất 211, 212 của ông Nguyễn Văn Q hiện đang quản lý sử dụng có nguồn gốc từ nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Tám (chết năm 2016) là mẹ ruột của bà C. Do thửa đất 211, 212 của ông Q nằm phía trước, còn thửa đất 118 của bà C nằm phía sau, nên khi bà Tám chuyển nhượng có yêu cầu chừa lại lối đi ngang hơn 04m để làm đường đi vào thửa đất số 118 phía sau của bà C. Phần đất tranh chấp trước đây là đất ruộng có lối đi và con kênh để dẫn nước ra vào canh tác. Sau này ông Q và bà C mới chuyển mục đích sử dụng đất thành đất trồng cây lâu năm và trồng các loại cây như hiện nay. Bà C tiến hành đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 118, diện tích 5097,8m², do Ủy ban nhân dân huyện

Cai Lậy cấp ngày 24/6/2009, khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hình thể thửa đất 118 của bà C vẫn thể hiện lối đi từ lộ Tây Bung Thôn Trang vào đất với chiều ngang hơn 04m đồng thời từ trước đến giờ bà C vẫn sử dụng lối đi này để đi vào thửa đất 118 của bà để canh tác. Thời gian gần đây ông Q cho rằng việc đi lại của bà C làm ảnh hưởng đến cây trồng trên đất của ông, nên ông Q có tiến hành rào lại không cho bà C sử dụng nữa mới phát sinh tranh chấp.

Bị đơn ông Q trình bày: nguồn gốc thửa đất 211, 212 của ông là từ việc nhận chuyển nhượng của bà Tám là mẹ ruột bà C, khi mua đất thì bà Tám chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên hai bên có làm giấy tay, sau đó ông Q tiến hành đi đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện Cai Lậy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ vào ngày 24/6/2009 đối với thửa đất 211, diện tích 1245,7m² và thửa đất số 212 diện tích 1604,3m² cùng tọa lạc Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang và ông Q sử dụng ổn định 02 thửa đất này từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nay không ai tranh chấp. Thửa đất 118 của bà C nằm phía sau 02 thửa đất của ông Q, từ trước đến nay bà C có nhiều lối đi để đi vào phần đất của bà, ít khi sử dụng lối đi hiện đang tranh chấp, phần đất bà C yêu cầu đòi lại thực tế là của ông Q, nên ông không đồng ý trả phần đất này cho bà C.

Tại phiên tòa, ông Q cho rằng 02 thửa đất 211, 212 của ông có nguồn gốc từ 02 thửa 576 diện tích 2088m² và thửa 578, diện tích 1185m² do ông Q được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 10/8/1990, sau khi được đổi cấp lại thành 02 thửa mới là 211 và 212 nên diện tích có thiếu so với diện tích được cấp ban đầu vào năm 1990. Xét lời khai nại trên của ông Q là không có cơ sở, bởi căn cứ vào văn bản số 146/UBND-ĐC ngày 23/8/2023 của Ủy ban nhân dân xã M xác định thửa đất số 576, 578 của ông Q tương ứng với số liệu mới là một phần thửa 118 của bà C. Còn thửa đất số 211, 212 hiện tại của ông Q tương ứng tài liệu 299 là một phần thửa 582, 581 do bà C đứng tên. Theo bản đồ địa chính khu đất ngày 13/3/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C thể hiện diện tích đo đạc thực tế các thửa đất như sau: thửa đất 211, diện tích là 1245,7m² và thửa 212 diện tích 1604,3m² của ông Q là đúng với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn thửa đất 118 của bà C diện tích đo đạc thực tế là 4616,5m², thiếu so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 481,3m² nên ông Q cho rằng khi ông được đổi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì diện tích đất của ông bị thiếu so với diện tích được cấp lần đầu vào năm 1990 là không có căn cứ. Mặt khác tại đơn giải trình ngày 04/7/2023 ông Đoàn Minh Sơn là hộ giáp đất của bà C và ông Q cũng có ý kiến xác nhận lời bà C trình bày là đúng. Đồng thời tại biên bản đo đạc kiểm đếm đất đai, nhà ở, vật kiến trúc và cây trái, hoa màu của hộ bị thiệt hại công trình Đường vào trường tiểu học ấp 9A, xã M người nhận đền bù là bà Nguyễn Thị Minh C. Từ những phân tích trên cho thấy bà C có phần đất tiếp giáp đường Tây Bung Thôn Trang, là phù hợp với hình thể thửa đất 118 được cấp giấy chứng nhận, nên có đủ cơ sở xác định phần diện tích tranh chấp 443,9m² là thuộc thửa 118 của bà Nguyễn Thị Minh C.

Do trên phần đất tranh chấp có hàng rào trụ đá lưới B40 diện tích 5,92m² và các cây trồng như sau: 38 cây mít, 04 cây dừa, 04 bụi chuối và 01 trụ thanh long ruột đỏ, tổng giá trị theo chứng thư thẩm định ngày 16/5/2023 là 66.595.000đ, hai bên đương sự thống nhất trình bày số cây trồng này là do ông Q trồng. Do xác định diện tích đất tranh chấp là của bà C nên cần buộc bà C phải hoàn trả giá trị cây trồng trên cho ông Q là phù hợp. Tuy nhiên phía nguyên đơn chỉ đồng ý trả 50% giá trị cây trồng vì cho rằng do quá trình thu hoạch cây trái của thửa đất 118, bị đơn có hành vi ngăn cản làm giảm năng suất và giá trị thu hoạch của nguyên đơn, nên không đồng ý bồi hoàn 100% giá trị là không có cơ sở để xem xét chấp nhận mà cần buộc nguyên đơn phải có trách nhiệm bồi hoàn 100% giá trị cây trồng cho bị đơn. Đồng thời buộc ông Q cùng thành viên hộ phải di dời hàng rào để trả lại diện tích đất tranh chấp cho bà C.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc định giá, thu thập chứng cứ là 13.043.000đ do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng này theo quy định tại Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí tố tụng trên, nên bị đơn phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 13.043.000đ.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165, khoản 1 Điều 228, Điều 357, 468 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, 164, 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100, 166 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh C có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn B.

Buộc ông Nguyễn Văn Q và các thành viên trong hộ gồm: Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Thu D, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị Thu K phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Minh C phần đất lấn chiếm qua đo đạc thực tế diện tích là 443,9m² nằm trong thửa đất 118, tờ bản đồ số 21, tọa lạc Ấp 6, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, hiện do bà Nguyễn Thị Minh C đang đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất có tứ cận như sau:

- Bắc giáp thửa 118 của bà Nguyễn Thị Minh C cạnh ngang 4,12m;
- Nam giáp đường Tây Bưng Thôn Trang cạnh ngang 4,23m;
- Tây giáp thửa 211 của ông Q cạnh dài 42,77m, giáp thửa 212 của ông Q cạnh dài 68,33m;
- Đông giáp thửa 213 của ông Đoàn Minh Sơn cạnh dài 111, 94m (35,74m + 7,53m + 68,67m)

(Kèm sơ đồ địa chính khu đất ngày 13/3/2023)

2/ Buộc bà Nguyễn Thị Minh C phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn Q giá trị cây trồng trên đất là 66.595.000đ. Thực hiện việc trả tiền và trả đất ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị Minh C chậm thi hành đối với phần tiền thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

3/ Buộc ông Nguyễn Văn Q và các thành viên trong hộ phải có nghĩa vụ di dời hàng rào trụ đá lưới B40 có diện tích 5,92m² ra khỏi diện tích phần đất tranh chấp để trả đất lại cho bà Nguyễn Thị Minh C.

4/ Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn Q phải trả cho bà Nguyễn Thị Minh C số tiền 13.043.000đ.

5/ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 3.329.000đ án phí dân sự sơ thẩm (đối với việc bồi hoàn giá trị cây trồng). Do nguyên đơn Nguyễn Thị Minh C, sinh năm 1953 là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp án phí Tòa án, nên được miễn theo quy định pháp luật.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Minh C, ông Nguyễn Văn Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(Án tuyên lúc 08 giờ 30 phút, ngày 05/9/2023, có mặt bà C, ông B, ông Q).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. Cai Lậy;
- Chi cục THADS H. Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Thoa